

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST

Ngày: 14-10-2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 8A, đường Võ Công Tồn, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 06, đường Trương Định, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018) (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 33, ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích L và bà Phạm Thị C có quen biết nhau. Ngày 31/12/2016, bà L cho bà C vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), khi vay có làm “Giấy tay nhận nợ”. Chữ ký, chữ viết mang tên "Phạm Thị C" trong giấy vay tiền là của bà C. Mục đích bà C vay tiền theo bà C là 200.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà, 600.000.000 đồng để mua đất ở Cầu Ván, 300.000.000 đồng để làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng không có ghi trong hợp đồng. Khi vay tiền bà C hẹn chậm nhất đến ngày 20/01/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc vay và toàn bộ tiền lãi cho bà L. Khi vay, bà C có thể chấp cho bà L hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 913080 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 02/10/2012 cho bà Phạm Thị C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 976785 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 11, loại đất ONT, tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 17/8/2012, mục đích bà C thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là để làm tin khi nào bà C trả hết nợ thì bà L sẽ giao trả lại cho bà C, việc bà C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là tự nguyện không bị ai ép buộc. Số nợ này là của cá nhân bà C vì khi vay tiền của bà L thì bà C có cung cấp cho bà L giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là tại thời điểm vay tiền của bà L, bà C không đăng ký kết hôn với ai. Việc vay tiền và giao nhận tiền giữa bà L và bà C có sự chứng kiến của ông Huỳnh Thiện T và cũng chính ông T là người viết giấy nhận nợ ngày 31/12/2016 cho bà L và bà C và ông T cũng có ký tên trong giấy vay tiền bên mục nhân chứng.

Từ khi vay đến nay, bà C không thanh toán cho bà L bất kỳ khoản tiền gốc và lãi vay nào mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, bà L yêu cầu bà C phải hoàn trả cho bà L số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/01/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông đại diện cho bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà L như sau: Yêu cầu bà C phải hoàn trả cho bà L số tiền gốc vay là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, thời gian tính từ ngày 20/01/2017 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Số tiền cho vay này là tài sản của cá nhân bà L không liên quan gì đến gia đình bà L.

Bà Phạm Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu bà C hoàn trả cho bà L số tiền 1.100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng bà C đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng minh nhân dân của bà L, 01 bản sao chứng minh nhân nhân và 01 sổ hộ khẩu của bà C, 01 giấy ủy quyền, 01 giấy nhận nợ, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 02 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, báo công lý số 69 (1608), 70(1609), 71 (1610), hợp đồng thông tin, giấy nộp tiền, hóa đơn giá trị gia tăng, báo công lý số 18 (1661), 19(1662), 20 (1663).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu bà C phải hoàn trả cho bà L số tiền gốc vay là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng vay tiền lập ngày 31.12.2016 giữa bà L với bà C để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 02/7/2019 đối với người làm chứng ông Huỳnh Thiện T thì ông T xác định có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà L và bà C, theo đó thì bà L có cho bà C vay số tiền 1.100.000.000 đồng, bà C đã nhận tiền từ bà L nhưng đến thời gian trả nợ là ngày 20/01/2017 thì bà C không thực hiện. Bị đơn bà Phạm Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản nào phản đối ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Phạm Thị C phải hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn là bà Phạm Thị C có nơi cư trú cuối cùng tại ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị C đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích L: Yêu cầu bà Phạm Thị C phải hoàn trả số tiền nợ vay 1.100.000.000 đồng, thấy rằng: Qua xem xét giấy nhận nợ đề ngày 31/12/2016 do bà L cung cấp thì hợp đồng vay giữa bà L và bà C là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, tại mục ”người nhận

nợ” có chữ ký xác nhận của bà Phạm Thị C thì có căn cứ thể hiện bị đơn đã nhận khoản tiền vay như nguyên đơn trình bày và hai bên thỏa thuận thời hạn cuối để trả nợ là 20/01/2017. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 02/7/2019 đối với ông Huỳnh Thiện T là người ký tên vào mục ”nhân chứng” trong giấy nhận nợ ngày 31/12/2016 thì ông T cho rằng, giấy nhận nợ này là do chính ông viết theo yêu cầu của bà L và bà C, ông xác định bà C có nhận của bà L số tiền 1.100.000.000 đồng và khi tới hạn trả nợ ngày 20/01/2017 thì chính ông cũng nhiều lần nhắc nhở bà C việc trả nợ cho bà L nhưng cho tới nay thì bà C chưa thanh toán cho bà L được khoản tiền nào. Từ đó có cơ sở cho rằng hợp đồng vay nêu trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 471, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện giao dịch vay, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay như thỏa thuận đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của bà L. Bà C đã được Tòa án triệu tập, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 3 ngày (ngày 21, 22, 23/02/2019), trên Báo công lý số 18 (1661), 19(1662), 20 (1663) và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, bà C đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L xem như bà C từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định bà C còn nợ bà L số tiền là 1.100.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà L trên số tiền gốc vay 1.100.000.000 đồng từ ngày 20/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, thấy rằng: Ông Hiệp là người đại diện cho bà L xác định giữa bà L và bà C có thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không ghi vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ cho lời trình bày của mình, bị đơn bà C vắng mặt và không có ý kiến về vấn đề này nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 31/12/2016 thì giữa hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận lãi suất. Đại diện nguyên đơn cho rằng từ khi vay đến nay bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi vay nào, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về vấn đề này. Từ đó cho thấy quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm từ ngày 20/01/2017 nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định. Thấy rằng, Căn cứ vào khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2010, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Như vậy, đại diện nguyên đơn yêu cầu với mức lãi suất 9,0%/năm (tức 0,75%/tháng) trên số tiền gốc vay 1.100.000.000 đồng từ ngày 20/01/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử là đã có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Cụ thể, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2019) đối với khoản nợ vay 1.100.000.000 đồng sẽ là 256.850.000 đồng(=1.100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 934 ngày).

Như vậy, Tổng cộng buộc bà Phạm Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 1.356.850.000 đồng (1.100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 256.850.000 đồng tiền lãi).

[2.3] Đối với 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 913080 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 02/10/2012 cho bà Phạm Thị C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 976785 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 11, loại đất ONT, tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 17/8/2012 cho bà Phạm Thị C, thấy rằng: Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn H thừa nhận hiện bà L đang giữ 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên mang tên Phạm Thị C. Xét việc bà Nguyễn Thị Bích L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trái pháp luật nên buộc bà L phải hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Phạm Thị C.

[3] Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.283.000 đồng do bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong)

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bà Phạm Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 1.356.850.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải hoàn trả 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 913080 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 02/10/2012 cho bà Phạm Thị C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 976785 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ

số 11, loại đất ONT, tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 17/8/2012 cho bà Phạm Thị C cho bà Phạm Thị C.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện chịu 2.283.000 đồng (đã nộp và chi xong).

4. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị C phải chịu 52.705.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy